

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139/2022/DS-ST**

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 214/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Ông L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày: Bà T, ông L là hội viên có tham gia 01 dây hội do bà N làm chủ hội, sau khi hốt hội xong bà T, ông L không đóng hội chết đầy đủ cho bà N nên bà N phải bỏ tiền ra để đóng thay cho bà T, ông L, cụ thể như sau:

Dây hội mùa 5.000.000đồng, 04 tháng khai 01 lần, mở ngày 01/11/2011 âm lịch (nhằm ngày 25/11/2011), mần ngày 01/3/2022 âm lịch, có 32 phần, bà T, ông L tham gia 02 phần, đầu thảo 1.500.000đồng.

+ Phần 1: Bà T, ông L đóng hui sống được 02 lần, đến lần khai thứ 03 vào ngày 01/7/2012 âm lịch (nhằm ngày 17/8/2012) bà T và ông L hốt được 61.120.000đồng. Sau đó, bà T, ông L đóng hui chết được 18 lần, đến các lần khai từ thứ 22 đến thứ 29 bà T, ông L không đóng hui chết (phần này bà N đã khởi kiện xong). Tính đến nay hui đã mãn mà bà T, ông L không đóng hui chết cho bà N 03 lần (lần thứ 30, 31, 32) x 5.000.000đồng = 15.000.000đồng, bà N phải bỏ tiền ra để đóng hui chết thay cho bà T, ông L là 15.000.000đồng.

+ Phần 2: Bà T, ông L đóng hui sống được 10 lần, đến lần khai thứ 11 vào ngày 30/12/2015 âm lịch (nhằm ngày 14/4/2015) bà T, ông L hốt được 81.500.000đồng. Sau đó, bà T, ông L đóng hui chết được 10 lần, đến các lần khai từ thứ 22 đến thứ 29 bà T, ông L không đóng hui chết (phần này bà N đã khởi kiện xong). Tính đến nay hui đã mãn mà bà T, ông L không đóng hui chết cho bà N 03 lần (lần thứ 30, 31, 32) x 5.000.000đồng = 15.000.000đồng, bà N phải bỏ tiền ra để đóng hui chết thay cho bà T, ông L là 15.000.000đồng.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bận nhiều công việc không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên bà N đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà N vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui 30.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà N không yêu cầu giải quyết về vấn đề gì khác. Bà N cam kết không khiếu nại gì về sau.

\* *Các bị đơn bà T, ông L:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, ông L nhưng bà T, ông L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giải quyết buộc bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà T, ông L có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà T, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về số tiền nợ hui: Bà N cho rằng bà T, ông L có tham gia chơi hui do bà N làm chủ hui, cụ thể là dây hui mùa 5.000.000đồng, 04 tháng khai 01 lần, mở ngày 01/11/2011 âm lịch (nhằm ngày 25/11/2011), mãn ngày 01/3/2022 âm lịch, có 32 phần, bà T, ông L tham gia 02 phần, đầu thảo 1.500.000đồng. 02 phần hui này bà T, ông L đều đã hốt hui, sau đó bà T, ông L có đóng lại tiền hui chết nhưng đóng không đầy đủ, nên bà N phải bỏ tiền ra để đóng thay cho bà T, ông L tại các lần khai từ thứ 22 đến thứ 32 ở cả 02 phần hui; đối với các lần khai từ thứ 22 đến thứ 29 thì bà N đã khởi kiện và Tòa án đã giải quyết xong, còn các lần khai thứ 30, 31, 32 đến khi hui mãn thì bà N đã bỏ ra số tiền tổng cộng là 30.000.000đồng để đóng thay cho bà T, ông L. Do đó, bà N yêu cầu bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui còn nợ này.

[5] Xét thấy, lời trình bày của bà N là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với nội dung Bản án số 152/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn bà N với các bị đơn bà T, ông L cũng như nội dung của các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các nội dung ghi nhận trong phần nhận định và phần quyết định của bản án này là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bản án này đã giải quyết buộc bà T, ông L trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 20.000.000đồng đối với các lần khai thứ 28, 29, cho nên đối với các lần khai thứ 30, 31, 32 là các lần khai hui tiếp theo đến khi hui mãn mà bà N đã bỏ tiền ra để đóng thay cho bà T, ông L thì bà T, ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

[6] Về phía bà T, ông L, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, ông L nhưng bà T, ông L không có văn bản trả lời Thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là bà T, ông L đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này.

[7] Về vấn đề tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ hui là 30.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T, ông L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm; bà T, ông L phải cùng chịu án phí sơ thẩm là  $30.000.000\text{đồng} \times 5\% = 1.500.000\text{đồng}$  tương ứng trên số tiền hui còn nợ bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà T, ông L trả số tiền hui còn nợ.

Buộc bà T, ông L cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hui còn nợ là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà T, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Bà T, ông L phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

**Nguyễn Quốc Việt**